

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ				TH	CN	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
							Nghe	Đ+V	Nói	Tổng					
1	TB2.00001	Nguyễn Thế	Anh	19/02/78		Chi nhánh TTGD TX tại Hoà Bình	.	.	.	76.0	5.50	6.50	12.00	12.00	
2	TB2.00004	Phạm Quý	Bảy	30/01/70		UBND tp Yên Bái		.	.	99.0	6.00	5.50	11.50	11.50	Ưu tiên
3	TB2.00005	Chu Thị Minh	Châu	08/06/64	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	6.00	6.00	12.00	12.00	Ưu tiên
4	TB2.00006	Hà Biên	Cương	20/04/72		Huyện uỷ Văn Trấn		.	.	86.0	6.00	5.50	11.50	11.50	Ưu tiên
5	TB2.00007	Nguyễn Văn	Cường	11/07/77		BHXH tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	7.50	7.00	14.50	14.50	Ưu tiên
6	TB2.00008	Cao Quý	Duy	22/10/76		Phòng TN&MT tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	6.00	6.50	12.50	12.50	Ưu tiên
7	TB2.00009	Vũ	Dũng	13/02/75		TAND tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	7.00	5.00	12.00	12.00	Ưu tiên
8	TB2.00010	Nguyễn Xuân	Hà	30/05/76		Văn phòng ĐKQSDĐ TP Yên Bái		.	.	97.0	6.00	5.00	11.00	11.00	Ưu tiên
9	TB2.00011	Lê Thu	Hằng	25/09/74	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái		.	.	88.0	6.00	6.00	12.00	12.00	Ưu tiên
10	TB2.00012	Ngô Thị Hồng	Hoa	05/03/87	Nữ	Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Yên Bái		.	.	88.0	7.50	6.00	13.50	13.50	Ưu tiên
11	TB2.00013	Lê Thị	Hoài	22/10/73	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	7.00	5.00	12.00	12.00	Ưu tiên
12	TB2.00014	Phạm Xuân Ngọc	Hoàng	16/10/88		Thị hành án dân sự tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	7.50	5.00	12.50	12.50	Ưu tiên
13	TB2.00015	Lê Xuân	Hùng	10/03/72		Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình		.	.	86.0	7.00	5.50	12.50	12.50	Ưu tiên
14	TB2.00016	Nguyễn Đình	Hưng	18/02/77		UBND tp tỉnh Yên Bái		.	.	94.0	6.00	5.50	11.50	11.50	Ưu tiên
15	TB2.00017	Đỗ Thu	Hương	16/11/72	Nữ	Toà án nhân dân tp Yên Bái		.	.	87.0	7.00	6.00	13.00	13.00	Ưu tiên
16	TB2.00018	Nguyễn Trung	Kiên	11/08/82		Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	7.00	5.00	12.00	12.00	Ưu tiên
17	TB2.00019	Lê Thị Thu	Lý	16/03/81	Nữ	Chi nhánh TTGD TX tại Hoà Bình		.	.	76.0	6.50	5.50	12.00	12.00	
18	TB2.00020	Phạm Thị	Nguyệt	08/02/73	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái		.	.	91.0	6.00	5.50	11.50	11.50	Ưu tiên
19	TB2.00021	Phạm Hồng	Quân	20/08/71		Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái		.	.	92.0	7.00	6.50	13.50	13.50	Ưu tiên
20	TB2.00022	Hà Kim	Sơn	16/02/73		Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	6.50	5.50	12.00	12.00	Ưu tiên
21	TB2.00024	Nguyễn Hồng	Thoan	07/03/73		Văn phòng Đại biểu QH tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	6.50	6.50	13.00	13.00	Ưu tiên
22	TB2.00025	Hà Thái	Thọ	28/10/73		Văn phòng Đại biểu QH tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	7.50	5.00	12.50	12.50	Ưu tiên

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ				TH	CN	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
							Nghe	Đ+V	Nói	Tổng					
23	TB2.00026	Triệu Ngọc	Thơ	17/10/91		Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên		.	.	86.0	6.50	6.00	12.50	12.50	Ưu tiên
24	TB2.00027	Lương Thị Thanh	Thùy	26/12/83	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái		.	.	86.0	7.00	6.50	13.50	13.50	Ưu tiên
25	TB2.00028	Lê Văn	Trang	30/10/81		Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Yên Bái		.	.	84.0	7.50	6.00	13.50	13.50	Ưu tiên
26	TB2.00030	Trương Thanh	Tùng	05/09/89		Viện KSND huyện Yên Bình		.	.	90.0	6.00	7.00	13.00	13.00	Ưu tiên

CỘNG TRƯỞNG TB2 : 26 THÍ SINH

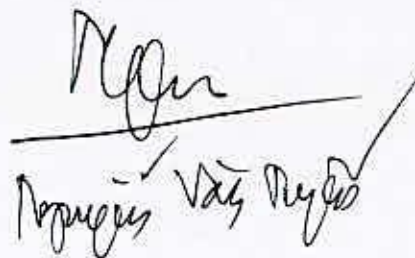
TRUNG TÂM CNTT

KHOA SAU ĐẠI HỌC

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG


Phạm Văn Khôi



Nguyễn Văn Dũng



Nguyễn Phương Lan



TS. Trương Quang Tích